TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 75/2018/HNGĐ - ST
Ngày 11/6/2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc
2. Ông Đàm Văn Kiều

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện , tỉnh N.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích Đ - Sinh năm 1989
Địa chỉ: Đội 16, xã N, huyện N, tỉnh N.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S - Sinh năm 1989
Địa chỉ: Xóm 4, Phúc An, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên toà có mặt chị Đ, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 02/3/2018 cũng như lời khai của chị Phạm Thị Bích Đ trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S tháng 01/2014, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn, chị và anh S sống chung hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh S không có tình cảm với nhau, không hợp tính nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tính cảm vợ chồng giữa

chị và anh S không được cải thiện. Từ tháng 3/2015 đến nay chị và anh S sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn nên xin được ly hôn anh S. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn S có một con chung là Nguyễn Quốc V sinh ngày 16/11/2015, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc V và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Việt. Về tài sản giữa chị và anh Nguyễn Văn S không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng anh S có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Phạm Thị Bích Đ về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị Đ. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh cũng có những mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, tình cảm của anh với chị Đ vẫn không thay đổi. Nay chị Đ xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Đ vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn chị Đ. Nếu chị Đ vẫn nhất quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. Về con chung giữa anh và chị Đ có một con chung là Nguyễn Quốc V sinh ngày 16/11/2015. Nay anh xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc V và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản giữa anh và chị Đ không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Do điều kiện công việc bận, anh không về tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn S đều cư trú tại huyện N, tỉnh N, chị Đ có đơn xin ly hôn anh S và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn S được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2014, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh S sống chung hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính

nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 3/2015 đến nay chị Đ và anh S đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh S đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Đ xin ly hôn anh S và phía anh S cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn S có một con chung là Nguyễn Quốc V sinh ngày 16/11/2015. Chị Đ và anh S đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc V. Nhưng cháu Việt hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu V cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị Đ xác định có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Việt và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ là tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn S đều khai xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Bích Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn S.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V sinh ngày 16/11/2015 cho chị Phạm Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng (chị Phạm Thị Bích Đ đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc V). Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị Bích Đ đối với cháu Nguyễn Quốc V. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Bích Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Bích Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06251 ngày 05/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Phạm Thị Bích Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đ, vắng mặt anh S. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.